

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2020/HNGĐ-ST

Ngày 02/7/2020

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tấn;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Thu H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Các bên đương sự vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn anh Nguyễn Văn Y trình bày:

Vào năm 2005, anh Y và chị Ngô Thị Thu H ở cùng thôn H nên quen biết nhau, sau khi tìm hiểu được một thời gian thì quyết định đi đến hôn nhân, hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã T. Hai bên gia đình thống nhất, có tổ chức cưới và sống chung tại nhà cha mẹ ruột anh Y tên (Nguyễn Văn S, Lê Thị B), đến năm 2006 thì có con chung Nguyễn Thành T, sinh ngày 27/4/2006. Năm 2012, anh Y vào Sài Gòn làm nghề lái xe cho Học viện trường K ở tại địa chỉ: 89

Hoàng Quốc V, phường Phú T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Chị H (vợ anh Y) làm Công ty cây xanh dịch vụ N ở quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Lý do anh Y xin ly hôn: Vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, mâu thuẫn chủ yếu là mất lòng tin nhau về tài chính, trong quản lý tiền bạc của vợ chồng. Anh Y làm bao nhiêu tiền giao cho vợ đều mất hết, chị H không giải thích được lý do nào mất, nhiều lần xúc phạm đến anh Y và cha mẹ anh Y. Anh Y và chị H không sống chung là từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay, anh Y hết lái xe do giảm biên chế, hiện đang xin việc nơi khác và đang cư trú tại thôn H, xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Chị H đang làm Công ty tại huyện B, địa chỉ của chị H: Đường 15, khu dân cư X (còn gọi là nhà M) xã X, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh. Nay anh Y xác định không còn tình cảm với chị H, anh Y xin ly hôn chị Ngô Thị Thu H. Về con chung, anh Y đồng ý giao cho chị H nuôi con chung theo nguyện vọng của con, anh Y không có thu nhập nên không cấp dưỡng. Về tài sản chung, anh Y không yêu cầu giải quyết.

- Bên bị đơn, chị Ngô Thị Thu H trình bày: Chị H đồng ý với nội dung lời khai của anh Y về quá trình tìm hiểu, kết hôn, sống chung, con chung, mâu thuẫn vợ chồng. Chị H bổ sung thêm là: Do anh Y chửi, đánh chị H, nên bức xúc chị H mới có phản ứng lại với anh Y, ngoài ra anh Y ngoại tình với một người phụ nữ đã có chồng, làm cùng Công ty với anh Y, tên người đó là (T). Lúc đầu chị H bắt được qua tin nhắn, sau đó chị H bắt được hai người tại khách sạn, chị H có chụp hình ảnh lại. Từ đó chị H không tin tưởng anh Y nên mới quản lý tiền bạc để nuôi con. Chị H không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Y; không có ý kiến gì về con chung; không yêu cầu gì về tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Anh Nguyễn Văn Y và chị Ngô Thị Thu H kết hôn tự nguyện vào vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Hai vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ anh Y, hai người có một con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 27/4/2006. Năm 2012, anh Y vào Sài Gòn làm nghề lái xe cho Học viện trường K ở tại địa chỉ: 89 Hoàng Quốc V, phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Chị H (vợ anh Y) làm Công ty cây xanh dịch vụ N, ở quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng cùng ở tại ngôi nhà tập thể tại địa chỉ: Đường 15, khu dân cư X (còn gọi là nhà M) xã X, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh là có thật. Theo anh Y, vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, mâu thuẫn chủ yếu là mất lòng tin nhau về tài chính, trong quản lý tiền bạc của vợ chồng. Anh Y làm bao nhiêu tiền giao cho vợ đều mất hết, chị H không giải thích được lý do nào mất, nhiều lần xúc phạm đến anh Y và cha mẹ anh Y. Anh Y và chị H không sống chung là từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay, anh Y hết lái xe do giảm biên chế, hiện đang xin việc nơi khác và đang cư trú tại thôn H, xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Nay anh Y xác định không còn tình cảm với chị H, anh Y xin ly hôn

chị Ngô Thị Thu H. Về con chung, anh Y đồng ý giao cho chị H nuôi con chung theo nguyện vọng của con, anh Y không có thu nhập nên không cấp dưỡng. Về tài sản chung, anh Y không yêu cầu giải quyết.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 81 của Luật hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ. Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại các Điều 96, 97, 98, 99, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn chị Ngô Thị Thu H không yêu cầu phản tố.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Y:

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Y và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người sống không hạnh phúc là từ tháng 9/2019 cho đến nay nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, anh Y xác định không còn tình cảm với chị H, anh Y xin ly hôn chị H là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị H đang nuôi con chung Nguyễn Thành T ổn định, nay anh Y tự nguyện giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, được chị H đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của con chung; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Y xác định hiện tại không có thu nhập nên không cấp dưỡng, chị H không có ý kiến gì; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh Y không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn, chị Ngô Thị Thu H:

- Về hôn nhân: Chị H cho rằng nếu ly hôn thì con sống thiếu cha sẽ có nhiều thiệt thòi, chị H không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Y. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Y và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người sống không hạnh phúc là từ tháng 9/2019 cho đến nay nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị H xác định không còn tình cảm với anh Y, chị H không chứng minh được quan hệ hôn nhân còn tồn tại nên ý kiến không ly hôn là không thiện chí, không có cơ sở thuyết phục; Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về con chung: Chị H đang nuôi con chung ổn định, nay chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, không buộc anh Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử vụ án.

- Về hướng giải quyết: Có cơ sở để chấp nhận khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của bị đơn; về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết là phù hợp với nhận định của Tòa án; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Từ các căn cứ và nhận định trên; Hội đồng xét xử xét cần tuyên như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Y được ly hôn chị Ngô Thị Thu H.

- Giao con chung Nguyễn Thành T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Y không cấp dưỡng nuôi con chung; anh Y được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; cần tuyên buộc anh Y chịu án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Y được ly hôn chị Ngô Thị Thu H.

- Giao con chung Nguyễn Thành T, sinh ngày 27/4/2006 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Y không cấp dưỡng nuôi con chung; anh Y được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Nguyễn Văn Y nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006073 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

Về nghĩa vụ thi hành án:

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND, THA;
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu (HSVA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Vân